TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 6 – VĨNH LONG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25-11-2025.
V/v tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm .

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hơn.

Bà Phạm Thị Thu Vân.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Vĩnh Long

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa***: Bà Võ Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 6 – Vĩnh Long xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 156/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Kim Q, sinh ngày: 08/5/2005; CCCD số: 083305012312, cấp ngày 15/11/2021. Nơi thường trú: ấp T, xã P, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Bửu T, sinh ngày: 04/02/2003. CCCD số: 083203012002, cấp ngày 04/12/2022. Nơi thường trú: ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến, đơn đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Phạm Thị Kim Q trình bày:**

- Về hôn nhân và việc cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: bà và ông T tự nguyện kết hôn vào năm 2023 có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 13 tháng 11 năm 2023. Sau khi kết hôn ông bà chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, tình cảm nhạt dần, ông bà đã sống ly thân với nhau từ năm 2024 đến nay mà không hàn gắn được.

Nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, không thể hàn gắn được. Nay bà yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

- Về con chung: Có 01 người con chung là Nguyễn Phạm Kỳ T1, sinh ngày 03/5/2024 (đang sống chung nhà với ông T). Khi ly hôn, bà Q đồng ý để ông T được quyền trực tiếp nuôi con chung, bà Q tự nguyện đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.000.000 đồng/tháng từ khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Bửu T dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến.**

*** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim Q đối với bị đơn ông Nguyễn Bửu T. Ghi nhận nguyên đơn bà Q không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

+ Về con chung: Có 01 người con chung là Nguyễn Phạm Kỳ T1, sinh ngày 03/5/2024 (đang sống chung nhà với ông T). Ông Nguyễn Bửu T tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Phạm Kỳ T1, sinh ngày 03/5/2025. Bà Phạm Thị Kim Q cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng từ khi bản án/ quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

+Về tài sản chung: Bà Q xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

+ Về nợ chung: Bà Q xác xác định không có nên đề nghị không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn, yêu cầu giải quyết về con chung nên xác định đây là vụ án tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Bị đơn có nơi cư trú tại ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Vĩnh Long theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Điều 5, Điều 6 của Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 và Luật số 85/2025/QH15.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do dù đã được triệu tập hợp lệ vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là đúng quy định.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 13 tháng 11 năm 2023, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Theo nguyên đơn trình bày thời gian chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không hàn gắn được, cả hai đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay và trong thời gian này cả hai bên vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo hợp lệ các phiên hòa giải với mục đích là hòa giải, động viên nhằm hàn gắn tình cảm, quan hệ giữa vợ chồng cho hai bên. Tuy nhiên nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu ly hôn, bị đơn không có biện pháp gì để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Tại biên bản xác minh ngày 16/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Vĩnh Long thể hiện cuộc sống hôn nhân của ông bà có mâu thuẫn, ông bà đã không còn sống chung với nhau khoảng cuối năm 2024 đến nay, hai bên không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Từ những phân tích, đánh giá như trên, Hội đồng xét xử nhận định nguyên đơn cương quyết ly hôn còn bị đơn dù biết ly hôn là chấm dứt quan hệ hôn nhân nhưng bị đơn đã bỏ mặc cho nguyên đơn tự giải quyết, không đến tham gia phiên hòa giải, không cùng nguyên đơn có các biện pháp tích cực nhằm cải thiện tình trạng hôn nhân của cả hai để kéo dài mối quan hệ hôn nhân. Như vậy tình trạng hôn nhân của cả hai đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt

được, Hội đồng xét xử cần thiết phải chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng cho nguyên đơn sau khi ly hôn là do sự tự nguyện của nguyên đơn vì vậy được ghi nhận, bị đơn không có ý kiến, không có mặt tại phiên tòa để trình bày yêu cầu về cấp dưỡng giữa vợ chồng vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu này.

Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống, ông bà có 01 người con chung là Nguyễn Phạm Kỳ T1, sinh ngày 03/5/2024 (đang sống chung nhà với ông T). Khi ly hôn, nguyên đơn là bà Q đồng ý để ông T được quyền được quyền nuôi con chung. Nhận thấy cháu T1 đang sống chung nhà với ông T, cuộc sống ổn định, cháu được chăm sóc tốt, ông T có đủ điều kiện nuôi con nên cần giao cháu T1 cho ông T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc bà Q tự nguyện đồng ý cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.000.000 đồng/tháng từ khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Nguyên đơn xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Nguyên đơn xác định không có vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp và có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Q phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, tổng cộng là 600.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 và Luật số 85/2025/QH15.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim Q. Bà Phạm Thị Kim Q được ly hôn với ông Nguyễn Bửu T. Bà Q không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Bửu T được quyền trực tiếp nuôi người con chung là Nguyễn Phạm Kỳ T1, sinh ngày 03/5/2024 (đang sống chung nhà với ông T). Bà Phạm Thị Kim Q cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung sau này, theo yêu cầu của đương sự hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Kim Q xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Phạm Thị Kim Q xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Kim Q có nghĩa vụ chịu án phí là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng), gồm 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Buộc bà Phạm Thị Kim Q phải chịu 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Q đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005350 ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, bà Q phải nộp thêm 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 6 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng GĐKT,TT và THA TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- UBND xã Phước Mỹ Trung, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diễm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Công Tâm **Bùi Thị Thúy Bắc** **Nguyễn Thị Diễm**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thưởng Bùi Thị Tuyết T2 Nguyễn Thị D